TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**
Số: 441/2020/QĐST - HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 19 tháng 5 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G , THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 411/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04/5/2020 về yêu cầu công nhận nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Lê Văn M, sinh năm 1942; địa chỉ cư trú: Khu phố H, Phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Số N đường L, Phường M, quận G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà D và ông M là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 11/01/2018 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận G cấp.

[2] Theo đơn yêu cầu Toà án nhận ngày 16/4/2020, biên bản hòa giải đoàn tụ ngày 11/5/2020. Bà D và ông M yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Ông bà không có con chung. Tài sản chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Toà án đã tiến hành hòa giải. Xét thấy, bà D và ông M thật sự tự nguyện ly hôn.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn M và Bà Hoàng Thị D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 11/01/2018 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận G cấp không còn hiệu lực.

1.2. Về con chung: Bà D và ông M không có con chung.

1.3. Về tài sản chung: Bà D và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về Lệ phí hôn nhân sơ thẩm:

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà D và ông M là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

- Hoàn trả cho bà D và ông M tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0025968, ngày 04/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND QUẬN G ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS QUẬN G
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hạnh